

Bài 1. Viết câu lệnh tạo cơ sở dữ liệu với các bảng sau:

MEMBERS:

- CardNo: 5 ký tự, primary key,
- Surname, Name: tối đa 15 ký tự,
- Address: tối đa 150 ký tự,
- Birthdate: ngày tháng,
- Name, Surname, Birthdate: not null,
- Gender: 1 ký tự (M hoặc F),
- PhoneNo: tối đa 15 ký tự.

EMPLOYEES:

- EmpId: primary key,
- Surname, Name: tối đa 15 ký tự, not null,
- Birthdate, EmpDate: ngày tháng.

Yêu cầu: nhân viên phải lớn hơn 18 tuổi tại thời điểm được thuê. Gợi ý: dùng hàm DATEDIFF() để tạo ràng buộc CHECK.

PUBLISHERS:

- PubId,
- Name, City: tối đa 50 ký tự, not null,
- PhoneNo: tối đa 15 ký tự.

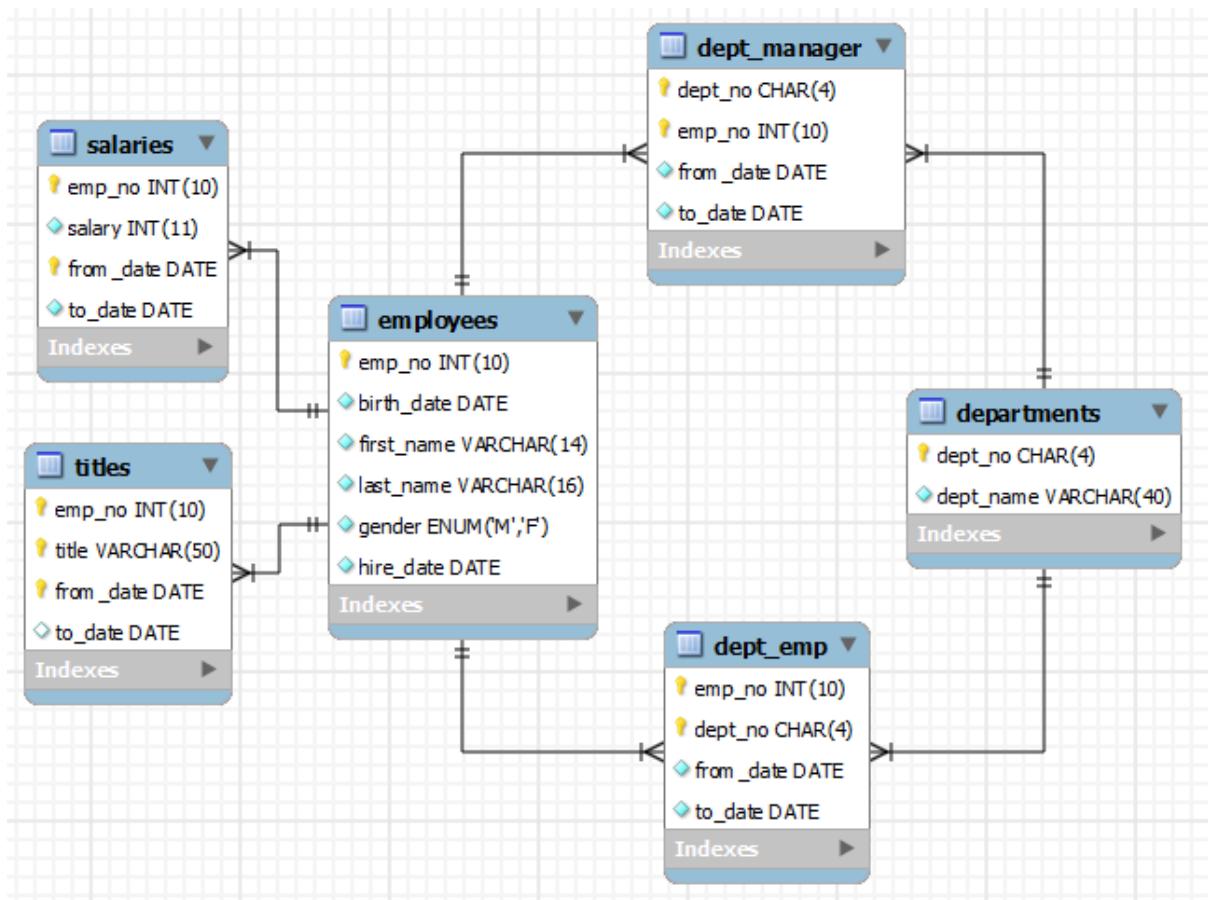
BOOKS:

- BookId: 5 ký tự, primary key,
- PubId: khóa ngoại,
- Type: phải là một trong các giá trị sau ‘tiểu thuyết’, ‘lịch sử’, ‘trẻ em’, ‘khoa học’, ‘giả tưởng’ và ‘khác’,
- Price: là số, not null,
- Title: tối đa 40 ký tự, not null.

BOOKLOANS:

- LoanId,
- CardNo, BookId, và EmpId: là khóa ngoại.
- DateOut, DueDate: ngày tháng ($DateOut < DueDate$).
- Penalty: là số, mặc định là 0.

Bài 2. Tạo csdl theo sơ đồ sau



Lưu ý:

- ENUM('M', 'F'): chỉ là một trong hai giá trị 'M' hoặc 'F'.
- to_date > from_date

Sinh viên nộp một file duy nhất với tên <MSV>_<tên>.sql

Nộp bài tại: <https://forms.gle/rxvLEuyUpf6Xvrgu6>